

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 06/9/ 2019.

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thiện Lai;

2. Ông Ngô Văn Được.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Không tham gia phiên Tòa.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 453/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 372/2019/QĐXX-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1986; địa chỉ: số 132, ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1989; địa chỉ: số 132, ấp Thị 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1942; địa chỉ: số 132, Nguyễn Huệ, ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản không hòa giải được, tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Chị và anh K do mai mối quen biết, được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2015, anh chị có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, anh chị sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hay cự cãi, tính tình không hợp nhau, gia đình hai bên không dàn xếp. Anh chị không còn chung sống từ cuối năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nay chị yêu cầu ly hôn với anh K.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung Nguyễn H, sinh ngày 28/11/2009 hiện nay sống chung với vợ chồng, khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu H xác định không có.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu H xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Thanh T đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt, cũng như không tham gia các phiên hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn K có nơi cư trú ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Thành T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K, ông T.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh K sống chung với nhau vào năm 2005 anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống do anh, chị bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, hay cự cãi, chị H, anh K không còn sống chung từ cuối năm 2018 cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở.

[3] Về quan hệ con chung: Anh chị có 01 con chung Nguyễn H Phát, sinh ngày 28/11/2009 hiện đang sống chung với vợ cH, khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Phát. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên, hiện nay cháu Phát sống ổn định với chị H vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần, anh K cũng không có ý kiến phản đối. Trong quá trình làm việc Tòa án tiến hành lấy ý kiến của cháu Phát thì cháu Phát có nguyện vọng muốn sống chung với chị H. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu Phát cho chị H tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình “ Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con ; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Tại phiên tòa chị H xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị H và anh K trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7] *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ

Các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 111 ngày 06/10/2015 của Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp Lý.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H được tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn H Phát, sinh ngày 28/11/2009. Anh Nguyễn Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Thu H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Văn K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu H xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị H và anh K trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0013043 ngày 16/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Chị Nguyễn Thị Thu H không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Ủy ban nhân dân phường M,
Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;

-Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn